

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày: 23-02-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Trương Hữu Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 587/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 09/01/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Diễm C, sinh năm 1978; HKTT: Tổ 7, khu phố X, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương;

2. **Bị đơn:** Bà Phan Thị N, sinh năm 1984 và ông Phạm Văn V, sinh năm 1980; cùng HKTT: Ấp B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà C có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà N và ông V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C trình bày:**

Bà C và vợ chồng ông V, bà N có mối quan hệ quen biết. Vào năm 2019, vợ chồng bà N có vay bà C một số tiền để đầu tư mua đất kinh doanh. Bà N sẽ trả tiền gốc và 20% số tiền lời khi bán đất. Để tạo niềm tin, bà N còn đưa cho bà C xem các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mua. Do tin tưởng nên bà C đã cho bà N, ông V vay

nhiều lần với số tiền 2.295.000.000 đồng. Do không có nhiều tiền đưa cho bà N một lần nên bà C phải đưa làm 13 lần theo 13 giấy vay tiền. Cụ thể như sau:

- Giấy cho vay tiền ngày 15/4/2019, bà N, ông V vay 115.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 03/5/2019, bà N, ông V vay 100.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 17/5/2019, bà N, ông V vay 50.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 02/6/2019, bà N, ông V vay 160.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 03/6/2019, bà N, ông V vay 100.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 05/6/2019, bà N, ông V vay 50.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 15/7/2019, bà N, ông V vay 100.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2019, bà N, ông V vay 120.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 07/8/2019, bà N, ông V vay 700.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 03/9/2019, bà N, ông V vay 400.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 08/9/2019, bà N, ông V vay 100.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 02/3/2020, bà N, ông V vay 200.000.000 đồng,
- Giấy cho vay tiền ngày 02/4/2020, bà N, ông V vay 100.000.000 đồng.

Năm 2020, bà C có yêu cầu người vay trả nợ nhưng bà N ông V không thanh toán. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu bà N và ông V thanh toán 2.295.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà C trình bày trong 13 giấy cho vay tiền có một giấy cho vay tiền ngày 03/9/2019 vay 400.000.000 đồng có chữ ký của bà N và ông V, 12 giấy cho vay tiền còn lại có mình chữ ký của bà N nên bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà N thanh toán 1.895.000.000 đồng và yêu cầu bà N và ông V liên đới thanh toán 400.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 20/11/2023; bản tự khai ngày 04/01/2024, các giấy cho vay tiền.

*** Bị đơn bà N, ông V**

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt, niêm yết để bà N và ông V tham gia tố tụng nhưng bà N và ông V cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà C có yêu cầu vắng mặt. Bị đơn bà N và ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề

ngiht khắc phục. Về nội dung vụ án, giấy cho vay tiền bà C cung cấp là bản gốc, kết luận giám định 332/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương thể hiện đúng chữ ký, chữ viết của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà C có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà N, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà N, ông V có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà C yêu cầu bà N thanh toán 1.895.000.000 đồng và yêu cầu bà N và ông V liên đới thanh toán 400.000.000 đồng. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Giấy cho vay tiền ngày 15/4/2019, bà N vay 115.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 15/5/2019; Giấy cho vay tiền ngày 03/5/2019, bà N vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 03/7/2019; Giấy cho vay tiền ngày 17/5/2019, bà N vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 17/6/2019; Giấy cho vay tiền ngày 02/6/2019, bà N vay 160.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 09/7/2019; Giấy cho vay tiền ngày 03/6/2019, bà N vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 03/7/2019; Giấy cho vay tiền ngày 05/6/2019, bà N vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 20/6/2019; Giấy cho vay tiền ngày 15/7/2019, bà N vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 15/9/2019; Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2019, bà N vay 120.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 01/8/2019; Giấy cho vay tiền ngày 07/8/2019, bà N vay 700.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 07/9/2019; Giấy cho vay tiền ngày 03/9/2019, bà N vay 400.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 03/12/2019; Giấy cho vay tiền ngày 08/9/2019, bà N vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 08/10/2019; Giấy cho vay tiền ngày 02/3/2020, bà N vay 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 02/4/2020; Giấy cho vay tiền ngày 02/4/2020, bà N vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 02/6/2020. Các giấy nợ trên có chữ ký, chữ viết xác nhận nợ của bà N. Theo kết luận giám định 332/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương thể hiện chữ ký Nhung, chữ viết họ tên Phan Thị N trên 13 giấy cho vay tiền là chữ ký, chữ viết của bà N và chữ ký tên V, chữ viết họ tên Phạm Văn V trên Giấy cho vay tiền ngày 03/9/2019 là chữ ký và chữ viết của ông V. Hiện tại, các khoản nợ đã quá hạn, bà N, ông V chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về số nợ của nguyên đơn yêu cầu. Điều này thể hiện bà N, ông V cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí giám định: Tại kết luận giám định 332/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương thể hiện chữ ký, chữ viết của trên các giấy cho vay tiền là của bị đơn nên bà N, ông V phải chịu chi phí giám định là 2.550.000 đồng.

[7] Về án phí: Bà N và ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị Diễm C đối với bà Phan Thị N.

Buộc bà Phan Thị N có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Diễm C số tiền 1.895.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị Diễm C đối với bà Phan Thị N và ông Phạm Văn V.

Buộc bà Phan Thị N và ông Phạm Văn V có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Diễm C số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Chi phí giám định: Chi phí giám định là 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Bà C đã nộp tạm ứng xong nên buộc bà Phan Thị N và ông Phạm Văn V có trách nhiệm liên đới phải nộp 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) để hoàn trả lại cho bà Trần Thị Diễm C.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Phan Thị N phải chịu số tiền 68.850.000 đồng (sáu mươi tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

4.2. Bà Phan Thị N và ông Phạm Văn V phải liên đới chịu số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

4.3. Hoàn trả cho bà Trần Thị Diễm C số tiền 39.300.000 đồng (ba mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002418 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ Nguyễn Thị Kim Phi

Nguyễn Tuấn Nam

